

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành lập ngày 13/8/2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 90/2024/LTST-KDTM ngày 04/6/2024;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N (A);

Trụ sở: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Do ông Nguyễn Văn C làm đại diện theo giấy ủy quyền của Bà Trần Thị Hồng D – Phó Giám đốc phụ trách điều hành của Ngân hàng N – Chi nhánh H trên cơ sở Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc Ngân hàng N.

Bị đơn: Công ty TNHH S;

Trụ sở: Số C ngõ G T, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội.

Do ông Lưu Thanh T giám đốc làm đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S làm đại diện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty Cổ phần P;

Trụ sở chính: Đường T, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Do ông Lưu Văn T1 - Tổng Giám đốc người đại diện theo pháp luật của Công ty CP P làm đại diện.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty TNHH S công nhận còn nợ Ngân hàng N do Chi nhánh H làm đại diện theo Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-2017548/HĐTD ngày 11/10/2017 và Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-202000610/HĐTD ngày 30/12/2020 số tiền 104.219.334.171 đồng; Trong đó: Nợ gốc: 78.548.436.321 đồng; Nợ lãi trong hạn: 18.854.909.693 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.815.988.157 đồng (Số lãi tạm tính đến ngày 30/11/2023);

2.2. Công ty TNHH S cam kết thanh toán cho Ngân hàng N do Chi nhánh H làm đại diện số Nợ gốc: 78.548.436.321 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-2017548/HĐTD ngày 11/10/2017 và Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-202000610/HĐTD ngày 30/12/2020 theo kế

hoạch như sau: Lần 1: Hạn cuối cùng ngày 15/11/2024 thanh toán: 20.000.000.000 đồng;

Lần 2: Hạn cuối cùng ngày 30/6/2025 thanh toán: 20.000.000.000 đồng;

Lần 3: Hạn cuối cùng ngày 30/12/2025 thanh toán: 38.548.436.321 đồng ;

2.3. Đối với khoản tiền Nợ lãi trong hạn: 18.854.909.693 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.815.988.157 đồng (Số lãi tạm tính đến ngày 30/11/2023) sẽ giải quyết như sau:

+ Ngân hàng N thông qua chi nhánh H đồng ý miễn toàn bộ khoản tiền lãi quá hạn là 6.815.988.157 đồng cho Công ty TNHH S;

Đối với khoản tiền Nợ lãi trong hạn 18.854.909.693 đồng (Số lãi tạm tính đến ngày 30/11/2023), Ngân hàng N thông qua chi nhánh H đồng ý miễn giảm 8.000.000.000 đồng; Số nợ lãi còn lại là 10.854.909.693 đồng Công ty TNHH S cam kết thanh toán cho Ngân hàng N do Chi nhánh H làm đại diện hạn cuối cùng là ngày 30/6/2026.

2.4. Công ty TNHH S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền Nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-2017548/HĐTD ngày 11/10/2017 và Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-202000610/HĐTD ngày 30/12/2020 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật kể từ ngày 01/12/2023 cho đến khi thi hành án xong khoản nợ gốc;

2.5. Trong trường hợp Công ty TNHH S vi phạm thanh toán nêu trên, thì Ngân hàng N do Chi nhánh H làm đại diện có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại, xử lý tài sản thế chấp sau để thu hồi số nợ:

2.5.1. Quyền sử dụng đất Diện tích: 886,8m², thửa đất số 6, tờ bản đồ số 04; Hình thức sử dụng: sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh; Thời hạn sử dụng đất: 50 năm kể từ ngày 01/09/2009. Địa chỉ thửa đất: Lô HV-27, khu du lịch nghỉ dưỡng và biệt thự cao cấp ven biển, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 108827, số vào sổ cấp GCN QSD đất: T 04013 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 01/09/2009 cho Công ty CP P để thu hồi số tiền nợ gốc và nợ lãi trong hạn sau khi được miễn cho đến ngày thực tế phát mại được tài sản theo thông báo của Ngân hàng;

2.5.2. 05 xe Ô tô được liệt kê dưới đây thuộc sở hữu của Công ty TNHH S để thu hồi để thu hồi số tiền nợ gốc và nợ lãi trong hạn sau khi được miễn cho đến ngày thực tế phát mại được tài sản theo thông báo của Ngân hàng: 01 chiếc xe Ô tô mang biển số: 29B-193.44; Số khung: 18KPFC914169; Số máy: D6CGFJ293037; Màu sơn: đỏ; 01 chiếc xe Ô tô mang biển số: 29B-192.94; Số khung: 18KPFC914168; Số máy: D6CGFJ293036; Màu sơn: hồng; 01 chiếc xe Ô tô mang biển số: 29B-193.28; Số khung: 18KPFC009561; Số máy: D6CGFJ277580; Màu sơn: đỏ; 01 chiếc xe Ô tô mang biển số: 29B-193.50; Số khung: 18KPFC914167; Số máy: D6CGFJ292449; Màu sơn: hồng; 01 chiếc xe Ô tô mang biển số: 29B-193.72; Số khung: 18KPFC913227; Số máy: D6CGFJ282231; Màu sơn: đỏ.

2.6. Về án phí: Công ty TNHH S chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 89.430.000 đồng (Tám mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng); Ngân hàng N do Chi nhánh H làm đại diện không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm; Do đó được nhận lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 117.000.000 đồng (một trăm mười bảy triệu đồng) theo biên lai số 0030169 ngày 06/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Đình Trung